

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 18
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 18/2025/HS-ST
Ngày: 24-7-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 18 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Thành Tâm;

2. Ông Đỗ Minh Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân Khu Vực 18 - Thành Phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu Vực 18 - Thành Phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Triều Mến - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu Vực 18 - Thành Phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 20/2025/TLST-HS ngày 11 tháng 7 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2025/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 7 năm 2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: Phan Văn Đ, sinh năm 1989, tại Sóc Trăng; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp Vĩnh Kiên, xã Vĩnh Quới, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng (nay là phường Ngã Năm, thành phố Cần Thơ); nghề nghiệp: Đầu Bếp; trình độ học vấn: 04/12; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; con ông Phan Văn Thới, sinh năm 1951 và bà Nguyễn Thị Út, sinh năm 1955; bị cáo có vợ tên: Nguyễn Thị Hồng Loan, sinh năm 1984 (đã ly hôn) và có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền sự, tiền án: không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/4/2025 đến nay.

- Bị hại: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1997; Hộ khẩu thường trú: Khóm 2, thị trấn Sa Rài, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp). Tạm trú: Tổ 4, thị trấn Uyên Hưng, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (Nay là phường Tân Uyên, thành phố Hồ Chí Minh). Có đơn vắng mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Phạm Thị Mai Th, sinh năm 1988; địa chỉ: phường An Điền, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương (nay là Khu phố Kiến An, phường Long Nguyên, thành phố Hồ Chí Minh). Có đơn vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phan Văn Đ và Nguyễn Văn T quen biết nhau do cùng là nhân viên của quán Zing Club 68, địa chỉ: Đường D5, tổ 18, khu phố Kiến An, phường An Điền, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương (nay là phường Long Nguyên, Thành Phố Hồ Chí Minh). Tối ngày 05/10/2024, T để xe mô tô hiệu Honda Airblade, màu đỏ đen, biển số 66K1-310.83 tại khu vực bếp của quán, còn T và Đ ngủ tại phòng ngủ. Lúc này, Đ nói với T là ngày mai cho Đ mượn xe đi công chuyện cá nhân, T đồng ý nhưng do Đ không nói cụ thể thời gian mượn xe nên T chưa đưa chìa khóa xe cho Đ. Trước khi đi ngủ, T để chìa khóa xe và cái bóp bên trong có giấy tờ dưới nền gạch bên cạnh chỗ T và Đ nằm ngủ. Khoảng 10 giờ ngày 06/10/2024, T ngủ dậy thì không thấy Đ và xe mô tô biển số 66K1-310.83 ở quán. T gọi điện thoại hỏi Đ thì Đ nói mượn xe đi chiều về trả. Khoảng 12 giờ cùng ngày, T kiểm tra bóp thì không thấy căn cước công dân của T và giấy đăng ký xe mô tô biển số 66K1-310.83 nên T gọi hỏi Đ “anh lấy căn cước, cà vẹt xe làm gì vậy”, Đ nói “đi đường sợ cảnh sát giao thông thôi”. Khoảng 13 giờ cùng ngày, T sợ Đ chiếm đoạt xe mô tô của mình nên tiếp tục gọi nói Đ là 15 giờ đem xe về trả thì Đ đồng ý. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, Đ gọi cho T nói T đến ngã tư Tân Quy, huyện Củ Chi lấy xe do Đ bận không về được. T đi đến điểm hẹn gọi lại cho Đ nhưng Đ không nghe máy. Sau đó, T quay về quán và tiếp tục gọi thì Đ nghe máy và nói chìa khóa xe, giấy cầm cố xe để trong áo gối, Đ thiếu nợ nên đem xe mô tô biển số 66K1-310.83 đi cầm. Đ hứa ngày 07/10/2024 sẽ chuyển tiền cho T lấy xe nhưng sau đó Đ bỏ trốn. Ngày 27/10/2024, T đến Công an phường An Điền (nay là phường Long Nguyên) trình báo sự việc và cung cấp 01 Hợp đồng thế chấp, cầm cố tài sản, 01 thẻ nhớ chứa đoạn video thể hiện vào khoảng 08 giờ 30 phút ngày 06/10/2024, Đ dắt xe mô tô biển số 66K1-310.83 ra khỏi quán Zing Club 68.

Qua làm việc với bà Phạm Thị Mai Th thì bà Th khai vào khoảng 09 giờ 23 phút ngày 06/10/2024 có 01 người thanh niên điều khiển xe mô tô biển số 66K1-310.83 đến tiệm yêu cầu cầm cố xe và đưa cho bà Th giấy chứng nhận xe và căn cước công dân mang tên Nguyễn Văn T. Bà Th kiểm tra xe và nghĩ người này là T nên đồng ý cầm cố xe với số tiền 16.000.000 đồng. Bà Th giao nộp xe mô tô biển số 66K1-310.83, 01 giấy chứng nhận xe, 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Văn T và 01 thẻ nhớ chứa đoạn video thể hiện Đ đến tiệm cầm cố xe mô tô.

Ngày 23/4/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương bắt tạm giam đối với Phan Văn Đ. Qua làm việc, Đ thừa nhận sáng ngày 06/10/2024, Đ mượn xe mô tô biển số 66K1-310.83 của T để đi mượn tiền trả nợ. Sau đó, do không mượn được tiền nên Đ nảy sinh ý định và đem xe mô tô biển số 66K1-310.83 cầm cố lấy 16.000.000 đồng sử dụng trả nợ hết. Sau đó, Đ quay về quán Zing Club 68 lấy đồ dùng cá nhân, rồi bỏ trốn.

Tại bản Cáo trạng số 15/CT-VKSBC ngày 11 tháng 7 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 18 - thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Phan Văn Đ về tội “lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 18 - thành phố Hồ Chí Minh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Phan Văn Đ từ 10 (mười) đến 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23/4/2025.

- Về xử lý vật chứng: Đã giải quyết xong

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Phan Văn Đ trả lại cho bà Phạm Thị Mai Th số tiền 16.000.000 đồng.

Tại phần tranh luận: Bị cáo không tranh luận gì về tội danh, điều khoản mà đại diện Viện kiểm sát đưa ra, bị cáo chỉ xin giảm nhẹ hình phạt. Bị hại không tranh luận gì.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Dầu Tiếng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, Kiểm sát viên, thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện Đ về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác định hành vi phạm tội của bị cáo: Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 06/10/2024, tại quán Zing Club 68, địa chỉ: Đường D5, tổ 18, khu phố Kiến An, phường An Điền, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương, bị cáo Phan Văn Đ có hành vi mượn xe mô tô hiệu Honda Airblade, biển số 66K1-310.83 của Nguyễn Văn T để đi công việc cá nhân nhưng sau đó bị cáo Đ nảy sinh ý định chiếm đoạt và đem xe mô tô cầm cố được 16.000.000 đồng (mười sáu triệu đồng) để tiêu xài cá nhân và bỏ trốn.

Tại Kết luận định giá tài sản số 151 ngày 04/12/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự thành phố Bến Cát, kết luận: Xe mô tô hiệu Honda Airblade, màu đỏ đen, biển số 66K1-310.83 trị giá 10.500.000 đồng (mười triệu năm trăm ngàn đồng).

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra

tại phiên tòa. Như vậy hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, có đủ căn cứ kết luận truy tố của Viện kiểm sát nhân dân ku vực 18 – thành phố Hồ Chí Minh tại bản cáo trạng số 15/CT-VKSBC ngày 11/7/2025 đối với bị cáo Phan Văn Đ về tội “lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, Đ pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, ảnh hưởng đến trật tự trị an trong khu vực. Về nhận thức bị cáo biết việc chiếm đoạt tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, hành vi của bị cáo cần phải có mức hình phạt thật nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ và hành vi của bị cáo để răn đe, cải tạo, giáo dục bị cáo đồng thời nêu gương phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ như: Bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ích nghiêm trọng theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Qua đó, để cho bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của pháp luật mà yên tâm cải tạo thành công dân có ích cho xã hội.

[6] Về xử lý vật chứng: Ngày 28/02/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bến Cát xử lý giao trả xe mô tô biển số 66K1-310.83 kèm theo giấy chứng nhận đăng ký xe và Căn cước công dân cho bị hại là Nguyễn Văn T. Bị hại T đã nhận lại tài sản và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bà Th yêu cầu bị cáo Phan Văn Đ trả lại số tiền 16.000.000 đồng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Đ đồng ý trả lại cho bà Th số tiền 16.000.0000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với bị cáo về phần tội danh, điều khoản truy tố và mức hình phạt là có căn cứ phù hợp với các tình tiết của vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 106, 136, 260, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;
- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38, 47, 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;
- Căn cứ các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Phan Văn Đ phạm tội “lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

- Xử phạt bị cáo Phan Văn Đ 10 (mười) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23/4/2025.

2. Về xử lý vật chứng: Đã giải quyết xong

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Phan Văn Đ trả lại cho bà Phạm Thị Mai Th số tiền 16.000.000 đồng (mười sáu triệu đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Phan Văn Đ phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 800.000 đồng (tám trăm ngàn đồng) án phí Dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP Hồ Chí Minh;
- VKSND TP Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp TP Hồ Chí Minh;
- VKSND KV 18, TP Hồ Chí Minh;
- THADS KV 18, TP Hồ Chí Minh;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quang Tuấn

Hội thẩm nhân dân

Nguyễn Thị Thu Thu Nguyễn Thị Lệ Mỹ

